

Các yếu tố gây chậm tiến độ và vượt dự toán các dự án đầu tư công tại Việt Nam

VŨ QUANG LÃM

Công ty đầu tư tài chính nhà nước TP.HCM

Vượt dự toán và chậm tiến độ của các dự án đầu tư công tại VN là vấn đề được các nhà hoạch định chính sách, nhà quản lý và giới nghiên cứu thừa nhận. Các nhân tố ảnh hưởng đến chậm tiến độ và vượt dự toán rất đa dạng, có những nhân tố chỉ tác động đến dự án công mà không ảnh hưởng đến dự án tại khu vực tư và ngược lại. Nghiên cứu này sử dụng kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng để xác định rõ trong bối cảnh thực tiễn và môi trường pháp lý hiện nay, đâu là nguyên nhân chính yếu dẫn đến tình trạng chậm tiến độ và vượt dự toán của các dự án đầu tư công tại VN.

Từ khóa: Đầu tư công, vượt dự toán, chậm tiến độ, dự án.

1. Đặt vấn đề

Các nhân tố ảnh hưởng đến chậm tiến độ và vượt dự toán rất đa dạng, tại các nước khác nhau thì nhóm nhân tố ảnh hưởng mạnh nhất cũng khác nhau. Có những nhân tố chỉ tác động đến dự án công mà không ảnh hưởng đến dự án tại khu vực tư và ngược lại. Vượt dự toán và chậm tiến độ của các dự án đầu tư công tại VN là vấn đề được các nhà hoạch định chính sách, nhà quản lý và giới nghiên cứu thừa nhận. Nhưng những nhân tố nào gây ra chậm tiến độ và vượt dự toán tại các dự án công của VN thì chưa được đặt ra và tìm biện pháp khắc phục.

1.1. Mục tiêu nghiên cứu

Từ kết quả được công bố của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước, tác giả xây dựng mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến

vượt dự toán và chậm tiến độ các dự án đầu tư công tại VN nhằm khám phá vai trò của từng nhân tố đối với chậm tiến độ và vượt dự toán công tại VN và tác động qua lại (nếu có) của các nhân tố này.

1.2. Phạm vi nghiên cứu

Chuyên đề tập trung nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến vượt dự toán và chậm tiến độ của các dự án đầu tư công tại VN. Nghiên cứu chỉ xem xét đến các nguyên nhân chính yếu xuất phát từ các bên trực tiếp tham gia quản lý và thực hiện dự án như chủ đầu tư, tư vấn, nhà thầu và một số các nguyên nhân đến từ bên ngoài như lạm phát hay chính sách của Chính phủ. Dự án trong nghiên cứu này cũng được xác định là các dự án đầu tư công không phân biệt quy mô.

1.3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng để tìm ra nguyên nhân chính yếu dẫn đến tình trạng chậm tiến độ và vượt dự toán của các dự án đầu tư công tại VN. Nghiên cứu định tính được tác giả sử dụng là kỹ thuật thảo luận nhóm tập trung và phỏng vấn sâu một số nhà quản lý.

Nhóm đối tượng này được lựa chọn ngẫu nhiên: Chuyên viên quản lý đầu tư cấp Sở của TP.HCM, Phó phòng cấp Sở, nhà quản lý nhiều kinh nghiệm của một công ty tư vấn thực hiện các dự án đầu tư công, trưởng phòng quản lý cấp Sở. Mục đích nhằm đánh giá nội dung và hình thức của các phát biểu (các câu hỏi) trong thang đo nháp để hoàn chỉnh thành thang đo chính thức sử dụng trong

nghiên cứu định lượng. Kết quả cung cấp bảng các biến quan sát được cho là phù hợp với điều kiện môi trường đầu tư công tại VN. Bảng khảo sát này sẽ được gửi đến xin ý kiến của chuyên viên cấp Bộ.

Nghiên cứu định lượng được thực hiện qua các giai đoạn: Thiết kế mẫu nghiên cứu, thu thập thông tin từ mẫu khảo sát những nhà quản lý, tư vấn, thực hiện các dự án đầu tư công không chỉ ở trên địa bàn TP.HCM mà còn ở các Bộ, ngành có liên quan; phân tích dữ liệu bằng phần mềm xử lý SPSS 22.0 nhằm khẳng định các yếu tố cũng như các giá trị và độ tin cậy của các thang đo các nhân tố gây chậm tiến độ và vượt dự toán; kiểm định độ phù hợp của mô hình nghiên cứu.

2. Cơ sở lý thuyết và khung phân tích

Xuất phát từ những quan điểm cho rằng khu vực công và khu vực tư có những điểm tương đồng, bởi vì các nguyên lý, quy luật áp dụng cho khu vực tư có thể được áp dụng cho khu vực công và ngược lại. Tác giả cho rằng các yếu tố gây ra sự chậm trễ và vượt dự toán trong các nghiên cứu trước đây đối với các dự án đầu tư của khu vực tư có thể được áp dụng vào khu vực công. Các nghiên cứu trước đó cũng chỉ ra điểm chung là việc chậm tiến độ và vượt dự toán là rủi ro rất phổ biến của dự án đầu tư, bất kể là dự án ở khu vực công hoặc ở khu vực tư.

Ramanathan & cộng sự (2012) đã tổng hợp các nhóm nguyên nhân dẫn đến chậm tiến độ và vượt dự toán của các dự án không phân biệt công hoặc tư như sau:

Bảng 1: Bảng tổng hợp các nhóm đối tượng, nguyên nhân ảnh hưởng đến việc chậm và vượt dự toán

Nhóm	Đối tượng	Nguyên nhân	Ảnh hưởng	Tham khảo
1	Tài chính	4	Chậm	Long & cộng sự 2004
		3	Chậm	
2	Dự án	6	Chậm	Assaf and Hejji 2006
		5	Chậm	Chan & Kumaraswamy 1997
3	Các yếu tố liên quan đến dự án	8	Chậm và vượt dự toán	Long & cộng sự 2004
4	Chủ đầu tư/ Khách hàng	10	Chậm và vượt dự toán	Assaf and Hejji 2006
		10	Chậm và vượt dự toán	Long & cộng sự 2004
		5	Chậm	Alaghbari & cộng sự. 2007
		4	Chậm	Odeh & Battaineh 2002
		4	Vượt thời gian	Chan & Kumaraswamy 1997
5	Nhà thầu	13	Chậm và vượt dự toán	Assaf and Hejji 2006
		17	Chậm và vượt dự toán	Long & cộng sự 2004
		12	Chậm	Alaghbari & cộng sự. 2007
		6	Chậm và vượt dự toán	Odeh & Battaineh 2002
		4	Chậm	Chan & Kumaraswamy 1997
6	Đơn vị tư vấn	7	Chậm và vượt dự toán	Assaf and Hejji 2006
		7	Chậm và vượt dự toán	Long & cộng sự 2004
		6	Chậm	Alaghbari & cộng sự. 2007
		4	Chậm và vượt dự toán	Odeh & Battaineh 2002
7	Thiết kế	8	Chậm và vượt dự toán	Assaf and Hejji 2006
		3	Chậm	Chan & Kumaraswamy 1997
8	Phối hợp	7	Chậm và vượt dự toán	Long & cộng sự 2004
9	Vật liệu	7	Chậm và vượt dự toán	Assaf and Hejji 2006
		2	Chậm và vượt dự toán	Odeh & Battaineh 2002
		4	Chậm	Chan & Kumaraswamy 1997
		5	Chậm và vượt dự toán	Assaf & cộng sự. 1995
10	Nhà máy/ Thiết bị	5	Chậm và vượt dự toán	Assaf and Hejji 2006
		1	Chậm	Odeh & Battaineh 2002
		4	Chậm	Chan & Kumaraswamy 1997
		5	Chậm và vượt dự toán	Assaf & cộng sự. 1995

Bảng 1: (tt)

11	Lao động/ Nhân lực	5	Chậm và vượt dự toán	Assaf and Hejji 2006
		2	Chậm và vượt dự toán	Odeh & Battaineh 2002
		4	Chậm	Chan & Kumaraswamy 1997
		3	Chậm và vượt dự toán	Assaf & cộng sự. 1995
12	Môi trường	9	Chậm và vượt dự toán	Long & cộng sự. 2004
		4	Chậm và vượt dự toán	Assaf & cộng sự. 1995
13	Hợp đồng	2	Vượt thời gian và chi phí do tranh chấp	Odeh & Battaineh 2002
14	Các bên của hợp đồng	3	Ảnh hưởng đến thời gian và chi phí	Odeh & Battaineh, 2002
		14	Chậm	Assaf & cộng sự. 1995
		12	Chậm và vượt dự toán	Assaf and Hejji 2006
15	Ngoại tác	4	Chậm	Odeh & Battaineh 2002
		2	Chậm	Chan & Kumaraswamy 1997
		8	Chậm	Alaghbari & cộng sự. 2007
16	Sự thay đổi	7	Chậm	Assaf & cộng sự. 1995
17	Kế hoạch và kiểm soát	11	Chậm	Assaf & cộng sự. 1995
18	Các vấn đề liên quan đến Chính phủ	4	Chậm	Assaf & cộng sự. 1995

Tổng kết các nghiên cứu từ trước đến nay cho thấy có tổng cộng hơn 113 yếu tố dẫn đến chậm tiến độ và vượt dự toán của các dự án không phân biệt công hoặc tư. Các yếu tố này được phân loại thành 18 nhóm khác nhau. Sau khi thảo luận với các chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực đầu tư công của VN và nhận thấy rằng các yếu tố tác động đến dự án có thể có từ lúc bắt đầu lên kế hoạch (nhóm liên quan đến tư vấn), quản lý dự án (nhóm yếu tố liên quan đến chủ đầu tư) và thực hiện dự án (nhóm liên quan đến nhà thầu) cộng với các tác động

ngoại vi và pháp lý. Cụ thể, có 37 yếu tố được lựa chọn, phân thành 05 nhóm chính sau:

- Nhóm yếu tố liên quan đến chủ đầu tư: 10 yếu tố.
- Nhóm yếu tố liên quan đến nhà thầu: 10 yếu tố.
- Nhóm yếu tố liên quan đến đơn vị tư vấn: 08 yếu tố.
- Nhóm yếu tố liên quan đến tác động ngoại vi: 04 yếu tố.
- Nhóm yếu tố pháp lý: 05 yếu tố.

Giả thiết nghiên cứu:

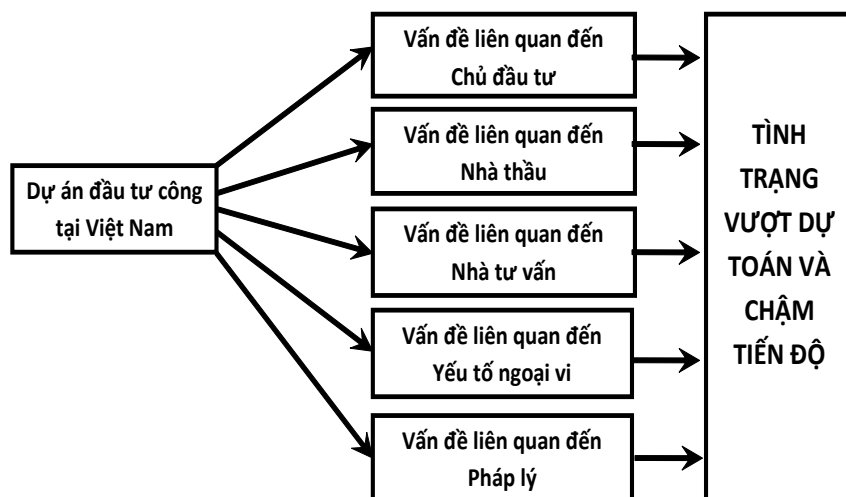
H1: Nhóm yếu tố liên quan đến chủ đầu tư tương quan cùng chiều với tình trạng chậm tiến độ và vượt dự toán của đầu tư công.

H2: Nhóm yếu tố liên quan đến nhà thầu tương quan cùng chiều với tình trạng chậm tiến độ và vượt dự toán của đầu tư công.

H3: Nhóm yếu tố liên quan đến đơn vị tư vấn tương quan cùng chiều với tình trạng chậm tiến độ và vượt dự toán của đầu tư công.

H4: Nhóm yếu tố tác động ngoại vi tương quan cùng chiều

Hình 1: Mô hình nghiên cứu



Bảng 2: Kết quả phân tích mô tả về tình trạng vượt dự toán và chậm trễ tiến độ của dự án đầu tư công

Hạng mục	Tần số (lần)	Tỷ lệ (%)	Tỷ lệ riêng (%)	Tỷ lệ lũy tiến (%)
Rất ít xảy ra	5	2,3	2,3	2,3
Ít xảy ra	30	14,0	14,0	16,4
Giá trị Thường xuyên	69	32,2	32,2	48,6
Rất thường xuyên	110	51,4	51,4	100,0
Total	214	100,0	100,0	

Bảng 3: Các yếu tố ảnh hưởng lớn đến vượt chi phí và chậm tiến độ

Chủ đầu tư					
Hạng mục	Mẫu	Không ảnh hưởng (%)	Ảnh hưởng trung bình (%)	Ảnh hưởng mạnh (%)	
CDT1_Khó khăn về nguồn vốn đầu tư cho dự án	214	0,5	20,6	30,4	
CDT2_Năng lực quản lý của bộ phận được giao quản lý dự án	214	2,3	22,4	31,3	
CDT3_Áp đặt thời gian thực hiện hợp đồng phi thực tế	214	10,3	26,6	12,1	
CDT4_Thay đổi ý kiến trong quá trình đầu tư	214	11,7	30,4	10,7	
CDT5_Ký quá nhiều hợp đồng và hợp đồng phụ	214	11,7	25,7	29,0	
CDT7_Đặt giá mời thầu theo hướng thấp	214	1,9	26,2	32,2	
CDT8_Không có thưởng khuyến khích hoàn thành hợp đồng trước thời hạn	214	7,9	19,6	34,6	
CDT9_Bộ máy tổ chức quản lý dự án quan liêu	214	19,6	13,6	4,2	
CDT6_Kéo dài thời gian phê duyệt dự toán hoặc dự toán phát sinh	214	8,4	21,0	38,3	
CDT10_Yếu tố khác	214	9,3	43,9	10,7	
Nhà thầu					
NT1_Khó khăn về tài chính phụ thuộc Chủ đầu tư	214	2,3	20,6	29,9	
NT2_Cung cách quản lý tài chính thiếu ổn định	214	0,0	39,3	13,6	
NT3_Biện pháp tổ chức thi công không phù hợp	214	10,7	29,0	36,0	
NT4_Thiếu kinh nghiệm, không quan tâm đến tiến độ thi công	214	9,8	25,7	38,3	
NT5_Thiếu liên hệ với tư vấn và chủ đầu tư	214	22,4	33,6	2,8	
NT6_Không đầy đủ thiết bị, phương tiện thi công	214	13,1	23,8	40,7	
NT7_Giá chào thầu theo xu hướng thấp	214	14,0	23,4	38,3	
NT8_Thiếu sự phối hợp giữa các nhà thầu	214	18,2	38,3	4,2	
NT9_Thiếu công nhân có kỹ thuật, bộ máy giám sát thiếu kinh nghiệm	214	13,1	24,3	37,9	
NT10_Yếu tố khác	214	14,0	25,2	8,4	
Đơn vị tư vấn					

với tình trạng chậm tiến độ và vượt dự toán của đầu tư công.

H5: Yếu tố pháp lý thiếu ổn định tương quan cùng chiều với tình trạng chậm tiến độ và vượt dự toán của đầu tư công.

Để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự chậm trễ và vượt dự toán, các thảo luận và bảng câu hỏi sẽ được gửi đến tất cả các bên liên quan trong một số dự án đầu tư công. Bảng câu hỏi khảo sát sử dụng thang đo Likert theo 5 điểm khác nhau. Các giá trị số được đánh giá bởi người trả lời bao gồm: “0 = Không ảnh hưởng” đến “4 = Luôn luôn ảnh hưởng” và “0 = Không có” đến “4 = Rất cao” đối với mức độ nghiêm trọng. Có 240 phiếu phỏng vấn khảo sát được gửi đến các chuyên gia, kết quả thu về được 214 phiếu hợp lệ. Sử dụng phần mềm SPSS 20, dữ liệu sau khi được mã hóa và làm sạch, sẽ được phân tích thống kê mô tả, đánh giá độ tin cậy của các thang đo, phân tích yếu tố khám phá và phân tích hồi quy.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thống kê mô tả

Kiểm tra dữ liệu cho thấy trong số 214 kết quả phỏng vấn nhận được, không có dữ liệu bị thiếu sót. Do đó, dữ liệu thu thập đảm bảo yêu cầu để phân tích mô tả.

Hầu hết những người tham gia phỏng vấn đều cho rằng tình trạng vượt dự toán và chậm trễ tiến độ của các dự án đầu tư công tại VN là thường xuyên và rất thường xuyên xảy ra (với tỷ lệ lựa chọn là 83,6% của tổng số người được hỏi).

Báo cáo giám sát đầu tư của Bộ Kế hoạch & Đầu tư các năm 2010, 2011, 2012 và 2013 đã ủng

Bảng 3 (tt)

TV1_Thiếu kinh nghiệm trong lĩnh vực được giao	214	4,2	15,4	49,5
TV2_Thiếu kỹ sư kinh nghiệm trong xây dựng, thẩm định dự toán công trình	214	4,7	16,8	19,2
TV3_Thiếu thông tin giữa Chủ đầu tư và Tư vấn	214	5,6	38,3	10,7
TV4_Thiết kế chậm, không hướng dẫn cho đơn vị thi công	214	4,2	27,6	17,3
TV5_Đơn vị tư vấn thiếu hỗ trợ cho Chủ đầu tư	214	4,2	27,1	29,4
TV6_Sai lầm trong khảo sát địa chất	214	5,1	15,9	43,5
TV7_Thiết kế không phù hợp với quy hoạch	214	7,9	18,7	30,4
TV8_Yếu tố khác	214	7,9	41,6	3,3
Yếu tố ngoại vi				
NV1_Lạm phát	214	0,9	13,1	53,3
NV2_Giá cả vật liệu tăng ngoài tầm kiểm soát	214	0,9	11,7	58,4
NV3_Điều kiện địa chất, thủy văn không lường trước	214	1,9	21,0	36,4
NV4_Yếu tố khác	214	6,1	37,9	8,4
Yếu tố chính sách				
PL1_Thủ tục pháp lý phức tạp	214	0,9	23,4	39,7
PL2_Sai lầm và khác biệt trong hợp đồng	214	4,7	24,8	36,9
PL3_Cơ quan quản lý chậm ra quyết định	214	1,9	27,1	29,0
PL4_Quy định pháp luật hay thay đổi	214	1,9	24,3	30,4
PL5_Yếu tố khác	214	6,5	42,5	2,3

hệ ý kiến này. Kết quả điều tra đối với các dự án công thực hiện tại TP.HCM cũng đã khẳng định kết luận này.

Có sự tương đồng khá lớn giữa các yếu tố gây chậm trễ và vượt dự toán của dự án đầu tư công ở nhóm nhà thầu và tư vấn: Đó là yếu tố yếu kém năng lực trong tư vấn và thi công (do thiếu kinh nghiệm, không đầy đủ thiết bị, sai lầm trong khảo sát, tổ chức thi công không phù hợp) được đa số các chuyên gia đánh giá là có ảnh hưởng mạnh đến việc chậm trễ và vượt dự toán của các dự án đầu tư công. Cụ thể:

- Đối với nhà thầu: Biện pháp tổ chức thi công không phù hợp (36%), thiếu kinh nghiệm và không quan tâm đến tiến độ thi công (38,3%), không đầy đủ thiết bị thi công (40,7%) và thiếu nhân lực thi công (37,9%) cùng với đặt giá chào thầu theo hướng quá thấp (38,3%) là những yếu tố ảnh hưởng mạnh đến tình trạng chậm trễ và vượt dự toán của dự án đầu tư công tại VN.

- Đối với tư vấn: Vấn đề thiếu kinh nghiệm trong thiết kế, thiết kế không phù hợp, thiếu hỗ trợ cho chủ đầu tư và sai lầm trong khảo sát địa chất cũng thuộc về

yếu tố năng lực yếu kém cũng giống như bên nhà thầu. Đó là những vấn đề cốt yếu được nhiều chuyên gia đánh giá là ảnh hưởng mạnh đến tình trạng chậm trễ và vượt dự toán của dự án đầu tư công tại VN.

Đối với chủ đầu tư: Khả năng tài chính của chủ đầu tư; năng lực quản lý dự án, kéo dài thời gian phê duyệt là những vấn đề được các chuyên gia đánh giá là ảnh hưởng mạnh đến tình trạng chậm trễ và vượt dự toán của dự án đầu tư công tại VN. Trong đó, đáng chú ý là có trên 30% các chuyên gia cho rằng việc ký quá nhiều hợp đồng phụ, đặt giá mời thầu theo hướng thấp và đặc biệt là không có các biện pháp thúc đẩy hoàn thành hợp đồng trước thời hạn đã ảnh hưởng tới việc chậm trễ tiến độ và vượt dự toán.

Từ kết quả và phân tích ở trên, tác giả nhận thấy các yếu tố gây chậm tiến độ và vượt chi phí ở các dự án đầu tư công tại VN hầu hết đều nằm ở năng lực con người hay công tác quản lý.

3.2. Kết quả phân tích độ tin cậy Cronbach's Alpha của các thang đo

Để có thể tiến hành đánh giá yếu tố khám phá EFA, trước hết tác giả tiến hành đánh giá độ tin cậy và giá trị của thang đo bằng hệ số tin cậy Cronbach's Alpha. Bên cạnh hệ số Cronbach's Alpha, tác giả còn sử dụng hệ số tương quan biến tổng (Item–Total Correlation) và những biến nào có tương quan biến tổng < 0,3 sẽ bị loại bỏ.

Kết quả phân tích cho thấy ngoại trừ biến “Yếu tố khác” ở cả 4 nhóm chủ đầu tư, nhà thầu, tư vấn, ngoại vi và pháp lý và biến quan sát “Cung cách quản lý tài

chính thiếu ổn định” của nhóm “Nhà thầu” là không đạt yêu cầu và bị loại bỏ.

3.3. Kết quả phân tích yếu tố khám phá EFA

Sau khi loại bỏ các biến kém ý nghĩa, tiến hành phân tích yếu tố khám phá EFA. Tiêu chuẩn Bartlett và hệ số KMO dùng để đánh giá sự thích hợp của EFA. Tiêu chuẩn rút trích yếu tố gồm chỉ số Eigenvalue và chỉ số Cumulative. Kết quả phân tích EFA cho thấy có 5 nhóm yếu tố được khám phá với các thông số kiểm định như sau:

Hệ số Eigenvalues Cumulative % = 72,03%, như vậy có 72,03% biến thiên của dữ liệu được giải thích bởi 5 yếu tố.

Mức ý nghĩa kiểm định Barlett = 0,000 < 0,05, như vậy các biến quan sát có tương quan với nhau trên tổng thể, có thể thực hiện phân tích yếu tố EFA.

KMO = 0,926, dữ liệu phù hợp để thực hiện phân tích yếu tố EFA.

Các nhân số mới được tính bằng trung bình cộng (mean) của từng biến số được lựa chọn trong từng yếu tố.

F1 (Yếu tố yếu kém của nhà thầu hoặc tư vấn) = đại diện cho

Mô hình	R	R ²	R ² hiệu chỉnh	Sai số chuẩn của ước lượng	Kiểm định Durbin-Watson
1	.797 ^a	.635	.627	.48545	1.302

ANOVA ^a					
Mô hình	Tổng bình phương	Df	Trung bình bình phương	Hệ số F	Hệ số Sig.
1	Hồi quy	85.437	5	17.087	72.508
	Phần dư	49.018	208	.236	.000 ^b
	Tổng	134.455	213		

các biến quan sát: thiếu sự phối hợp giữa các nhà thầu, thiếu liên hệ giữa tư vấn và chủ đầu tư, tư vấn thiết kế không phù hợp với quy hoạch, nhà thầu không đầy đủ thiết bị, phương tiện thi công, tư vấn sai lầm trong khảo sát địa chất, tư vấn thiết kế chậm, không hướng dẫn cho đơn vị thi công, nhà thầu thiếu công nhân có kỹ thuật, bộ máy giám sát thiếu kinh nghiệm, tư vấn thiếu kỹ sư kinh nghiệm trong xây dựng, thẩm định dự toán công trình, thiếu thông tin giữa chủ đầu tư và tư vấn, nhà thầu thiếu kinh nghiệm, không quan tâm đến tiến độ thi công, nhà thầu có biện pháp tổ chức thi công không phù hợp, đơn vị tư vấn thiếu hỗ trợ cho chủ đầu tư.

F2 (Yếu tố yếu kém của chủ đầu tư) đại diện cho các biến

quan sát: Chủ đầu tư thay đổi ý kiến trong quá trình đầu tư, chủ đầu tư áp đặt thời gian thực hiện hợp đồng phi thực tế, chủ đầu tư không có thường khuyến khích hoàn thành hợp đồng trước thời hạn, chủ đầu tư đặt giá mời thầu theo hướng thấp, chủ đầu tư ký quá nhiều hợp đồng và hợp đồng phụ, chủ đầu tư kéo dài thời gian phê duyệt dự toán hoặc dự toán phát sinh, năng lực của bộ phận được giao quản lý dự án, bộ máy tổ chức quản lý dự án quan liêu.

F3 (Yếu tố ngoại vi) đại diện cho các biến quan sát: Giá cả vật liệu tăng ngoài tầm kiểm soát, lạm phát, điều kiện địa chất, thủy văn không lường trước.

F4 (Yếu tố chính sách) đại diện cho các biến quan sát: Quy định pháp luật hay thay đổi, cơ quan quản lý chậm ra quyết định,

Coefficients ^a										
Mô hình	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số đã chuẩn hóa	Tổng kê t	Tổng kê Sig.	Tương quan			Thống kê đa cộng tuyến	
	B	Độ lệch chuẩn	Beta			Zero-order	Partial	Part	Tolerance	VIF
(Hằng số)	1.123	.197		5.709	.000					
1										
Yếu tố yếu kém của nhà thầu và tư vấn	.288	.066	.316	4.361	.000	.737	.289	.183	.334	2.995
Yếu tố yếu kém của chủ đầu tư	.284	.057	.344	5.030	.000	.711	.329	.211	.375	2.669
Yếu tố ngoại vi	.088	.049	.093	1.809	.072	.480	.124	.076	.669	1.495
Yếu tố chính sách	-.020	.046	-.024	-.434	.665	.467	-.030	-.018	.579	1.726
Yếu tố khó khăn tài chính	.179	.043	.214	4.138	.000	.583	.276	.173	.653	1.531

Biến phụ thuộc: Tình trạng chậm tiến độ và vượt dự toán



thủ tục pháp lý phức tạp.

F5 (Yếu tố khó khăn về tài chính) đại diện cho các biến quan sát: Chủ đầu tư gặp khó khăn về nguồn vốn đầu tư cho dự án, nhà thầu gặp khó khăn về tài chính, phụ thuộc chủ đầu tư.

Riêng các yếu tố thiếu kinh nghiệm trong lĩnh vực được giao, sai lầm và khác biệt trong hợp đồng, giá chào thầu theo xu hướng thấp: Hệ số component thấp hơn hệ số chuẩn là 0,55 và tương tự nhau ở các nhóm yếu tố khác nhau, do đó tác giả loại các biến này khi phân tích hồi quy.

Kiểm tra kích thước mẫu

- Công thức kinh nghiệm thường dùng để tính kích thước mẫu cho hồi quy tuyến tính như sau: $n \geq 50 + 8p$ (trong đó n là kích thước mẫu, p là số biến độc lập trong mô hình). Ta thấy trong mô hình của chúng ta có: $n=214$, $p=5 \Rightarrow 50+8.5=90$. Thỏa điều kiện kích thước mẫu (vì kích thước mẫu chúng ta thu thập được là $214 > 90$).

- Phương trình hồi quy với các yếu tố mới tổng quát F1 đến F5

a. Biến độc lập: yếu tố khó khăn về tài chính, yếu tố chính

sách, yếu tố ngoại vi, yếu tố yếu kém của chủ đầu tư, yếu tố yếu kém của nhà thầu và tư vấn.

b. Biến phụ thuộc: Tình trạng chậm tiến độ và vượt dự toán.

Kiểm định ANOVA

Nhận xét:

- Mô hình hồi quy có hệ số R^2 hiệu chỉnh là 0,627, nghĩa là có 62,8% tình trạng chậm trễ, vượt dự toán của dự án đầu tư công được giải thích bởi 5 yếu tố nêu trên.

- Hệ số phóng đại phương sai VIF có quy tắc là khi VIF vượt quá 5, đó là dấu hiệu của đa cộng tuyến. Quan sát bảng hệ số hồi quy của mô hình, hệ số VIF của các biến < 5 nên không có hiện tượng đa cộng tuyến xảy ra.

- Hệ số Durbin-Watson là $1,277 > 1$ nên không có hiện tượng tự tương quan giữa các biến trong mô hình.

- Kiểm định Anova cho hệ số thống kê $\text{Sig.} = 0,000 < 0,05$, tương ứng với việc mô hình có ý nghĩa, các yếu tố F1 đến F5 thực sự có tác động đến tình trạng chậm trễ, vượt dự toán của dự án đầu tư công. Điều này cũng bác bỏ giả thuyết H_0 rằng các hệ số

hồi quy đồng thời bằng 0.

- Các hệ số hồi quy này có ý nghĩa thống kê, và tác động của F1 và F2 là mạnh nhất, kế tới là F5 và F3. Đáng chú ý là yếu tố F4 có tác động ngược chiều đến tình trạng chậm trễ và vượt dự toán của đầu tư công, tuy nhiên không có ý nghĩa thống kê.

- Giả định phương sai của sai số không đổi được kiểm định dựa trên biểu đồ phân tán scatterplot giữa giá trị phần dư được chuẩn hóa (ZRESID) và giá trị dự đoán được chuẩn hóa (ZPRED). Kết quả cho thấy các giá trị nằm trong khoảng -2 đến 2 và phân tán ngẫu nhiên qua đường thẳng qua điểm 0. Điều này cho thấy kết quả hồi quy không bị vi phạm giả thuyết phương sai của sai số thay đổi.

Kết luận

Như vậy mô hình hồi quy đã đạt được 05 giả thuyết quan trọng trong hồi quy OLS và có dạng như sau:

Tình trạng chậm tiến độ, vượt dự toán $= 1,123 + 0,316$ Yếu tố yếu kém của nhà thầu hoặc tư vấn $+ 0,344$ Yếu tố yếu kém của chủ đầu tư $+ 0,093$ Yếu tố ngoại vi $+ 0,214$ Yếu tố khó khăn về tài chính

4. Kết luận và khuyến nghị

4.1. Kết luận

Bốn nguyên nhân quan trọng nhất của tình trạng chậm trễ và vượt dự toán của các dự án đầu tư công tại VN là “Yếu kém trong quản lý dự án của chủ đầu tư”, “Yếu kém của nhà thầu hoặc tư vấn”, “Yếu tố ngoại vi và yếu tố khó khăn về tài chính” đã được tác giả nhận diện và đánh giá mức độ ảnh hưởng. Trên cơ sở đó, tác giả gợi ý một số giải pháp,

khuyến nghị chính sách về quản lý dự án đầu tư công tại VN, góp phần giải quyết tình trạng chậm trễ và vượt dự toán của các dự án mà VN phải đối mặt trên con đường phát triển.

4.2. Khuyến nghị

Một số giải pháp liên quan đến khắc phục yếu kém từ các chủ đầu tư:

Chủ đầu tư dự án công thường là thủ trưởng đơn vị công lập được giao vốn và cũng là đơn vị tiếp nhận vận hành công trình khi hoàn thành. Thủ trưởng các đơn vị hành chính sự nghiệp này thường không có chuyên môn về kỹ thuật và chưa được đào tạo bài bản về quản lý dự án. Giải pháp đầu tiên là phải đào tạo bồi dưỡng cho các lãnh đạo đơn vị hành chính sự nghiệp.

Nội dung môn quản lý dự án đầu tư phải được đưa vào chương trình đào tạo kiến thức quản lý của Học viện Hành chính Quốc gia. Môn quản lý dự án đầu tư cần phải được đào tạo bắt buộc trong chương trình học của các trường kỹ thuật và các khoa quản lý ngành của trường kinh tế.

Một số giải pháp liên quan đến khắc phục yếu kém của đơn vị tư vấn:

Qua khảo sát và so sánh thấy rằng chi phí tư vấn theo quy định của Bộ Xây dựng thấp hơn so với mức giá của các đơn vị tư vấn nước ngoài. Tuy nhiên, khi có sự cố xảy ra làm chậm tiến độ hoặc vượt dự toán thì đơn vị tư vấn rất ít khi bị chủ đầu tư phạt. Nếu có mức phạt cũng không quá 12% giá trị hợp đồng vi phạm. Mức phạt này quá thấp không đủ để ngăn ngừa và khắc phục vi phạm sai sót của đơn vị tư vấn. Do đó đề xuất Bộ Xây dựng sửa đổi quy

định theo hướng nâng cao mức phí cho công tác tư vấn (nhất là chi phí thiết kế, chi phí giám sát, chi phí quản lý dự án) đồng thời có biện pháp chế tài nghiêm khắc các sai sót: Phạt tiền hoặc thậm chí rút chứng chỉ hành nghề tư vấn. Về lâu dài khôi phục lại chế độ tổng công trình sư ghi rõ kiến trúc sư – kỹ sư thiết kế giám sát công trình. Khi tên tuổi danh dự gắn liền với dự án công trình khả năng sai sót sẽ ít xảy ra.

Gợi ý về chính sách:

Chính phủ cần nhanh chóng trình Quốc hội thông qua Luật Quản lý đầu tư công trên cơ sở tổng hợp rút kinh nghiệm và sửa đổi những bất cập của các quy định hiện nay. Trong xu thế hội nhập, Bộ luật Quản lý đầu tư công cần tiệm cận với các chuẩn mực của Hiệp hội kỹ sư tư vấn quốc tế (FIDIC) đã được các tổ chức tài chính đa phương (WB, ADB...) áp dụng và phát huy hiệu quả. Điều này cũng tránh cho các chủ đầu tư quản lý dự án sử dụng nguồn vốn ODA lúng túng trong công tác quản lý khi vừa phải thực hiện theo Hiệp định tài trợ vừa phải thực hiện quản lý theo pháp luật VN.

Bên cạnh đó, cần xây dựng Bộ quy tắc ứng xử đạo đức chung cho chủ đầu tư và các bên liên quan trong quản lý dự án. Bộ quy tắc này phải được xây dựng với những quy định cụ thể rõ ràng minh bạch, dễ thực hiện, dễ kiểm soát.

Gợi ý về quản lý tiến độ, kiểm soát rủi ro:

Chủ đầu tư phải lập kế hoạch tiến độ cho từng dự án, từng cá nhân tham gia quản lý dự án phải lập tiến độ công việc cho từng phần việc được giao. Mỗi công việc phải được lường ước các rủi ro phát sinh và dự phòng hướng xử lý. Đề

xuất chọn phương pháp sơ đồ đường CPM (Critical Path Method) cho những dự án đơn giản ngắn hạn và chọn phương pháp lập kế hoạch theo biểu đồ chu kỳ LSM (Linear Scheduling Method) cho những dự án lớn phức tạp và thời gian thực hiện kéo dài. Lập bảng tiến độ phải được xem là yêu cầu bắt buộc và là chỉ báo để kiểm soát rủi ro●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Abd. Majid, M.Z. and McCaffer, R., (1998), "Factors of Non-excusable Delays that Influence Contractors Performance", *Journal of Management in Engineering*, ASCE, May/June p.42-49
- D.W.M. Chan, M.M. Kumaraswamy, (1995, 97), "A study of causes of the factors affecting construction durations in Hong Kong", *Construction Management and Economics*, Vol. 13, p.319-33
- Long, D. N., Ogunlana, S.O., Quang T. and Lam, K.C., (2004), "Large Construction Projects in Developing Countries, a case study from Vietnam", *International Journal of Project Management*, Elsevier, 22, p.553-561.
- L. Le-Hoai, Y. D. Lee and J. Y. Lee, (2008), "Delay and Cost Overruns in Vietnam Large Construction Projects: A Comparison with Other Selected Countries", *Journal of Civil Engineering*, Vol. 12, No. 6, p. 367-377.
- Odeh, A. M. and Battaineh, H.T., (2002), *Causes of Construction Delay: Traditional Contracts*. International, *Journal of Project management*, Elsevier, 20 p.67-73
- S.A. Assaf & S. Al-Hejji, (2006), "Causes of delay in large construction projects", *International Journal of Project Management*, Vol. 24, No. 4, p.349-347